TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HC-PT
Ngày: 20 - 8 - 2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường
bà Trần Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa*:* bà Nguyễn Thị Thuý Kiều, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 56/2025/TLPT-HC ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2025/HC-ST ngày 26-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220a2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1949; địa chỉ: Số A N, phường T, Tp B, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là Số A N, phường B, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: ông Hoàng Ngọc T; địa chỉ: A T, phường T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Ngọc L, chức vụ Phó Chủ tịch UBND; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Mạnh L1, sinh năm 1982; ông Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1985; ông Nguyễn Thành T2, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là số A N phường B, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện bà Nguyễn Thị M (người đại diện ông Hoàng Ngọc T) và của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông Hoàng Ngọc T trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất bà Nguyễn Thị M sử dụng là do ông Nguyễn Văn M1 khai hoang, chuyển nhượng lại ông Nguyễn Văn H, ông H xây nhà năm 1987, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Đặng Ngọc C. Năm 1996 ông Đặng Ngọc C chuyển nhượng tiếp cho ông Đoàn Ngọc H1. Năm 1999 ông Đoàn Ngọc H1 chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị T3. Ngày 22/9/2003 bà Đỗ Thị T3 làm giấy ủy quyền viết tay cho con trai bà Nguyễn Quý M2 (đã chết) có vợ là bà Nguyễn Thị M sử dụng và quá trình sử dụng đất không có tranh chấp .

Để thực hiện dự án Hồ T, phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk, ngày 09/12/2020 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 4812/QĐ-UBND thu hồi diện tích 392m^2 đất tại thửa đất số 22 của Đỗ Thị T3 (đã chết) nhưng người có công duy trì quản lý quyền sử dụng đất này từ ngày 22/9/2003 là ông Nguyễn Quý M2 (con đẻ) và bà Nguyễn Thị M (con dâu).

Ngày 09/12/2020 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 8426/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của bà Đỗ Thị T3 (đã chết) có nội dung phê duyệt: Bồi thường về đất ở là: 142m^2, giá trị bồi thường: 639.022.720 đồng. Bồi thường đất trồng cây lâu năm 250m^2 giá trị: 199.980 đồng. Bồi thường Nhà ở xây dựng phục vụ sinh hoạt là: 199.584.163 đồng.

Ngày 28/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9269/QĐ-UBND về việc giao đất cho ông Nguyễn Mạnh L1 (đại diện cho những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3).

Bà M cho rằng, việc UBND thành phố giao đất cho ông Nguyễn Mạnh L1 (đại diện cho những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3) là không đúng mà phải xác định đối tượng được giao đất là hộ bà Nguyễn Thị M. Đồng thời, việc UBND thành phố chỉ giao 01 thửa đất tái định cư là chưa đúng quy định vì bà M và ông Nguyễn Quý M2 có 03 người con là Nguyễn Mạnh L1, Nguyễn Thành T2 và Nguyễn Mạnh T1. Thời điểm thu hồi đất, Nguyễn Thành T2 có vợ là Nguyễn Thị H2, Nguyễn Mạnh T1 có vợ là Nguyễn Thị T4 đều đang cùng ở

trên đất thu hồi, đủ điều kiện tách thành các hộ gia đình nên phải được bố trí đất tái định cư.

Vì vậy, người khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc:

- Tuyên huỷ một phần Quyết định số 9269/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND thành phố B về việc giao đất cho ông Nguyễn Mạnh L1 (đại diện cho những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3), để điều chỉnh lại đối tượng được giao đất là hộ gia đình bà Nguyễn Thị M.

- Buộc UBND thành phố B giao 01 thửa đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho ông Nguyễn Mạnh L1.

- *Tại bản tự khai của người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện, ông Lê Đại T5 trình bày:*

1.Về phương án bồi thường, hỗ trợ:

Thửa đất số 22, tờ bản đồ 31, diện tích 392m^2 tại phường T có nguồn gốc như người khởi kiện trình bày. Năm 1999, ông Đoàn Đình H3 chuyển nhượng toàn bộ căn nhà và diện tích đất cho bà Đỗ Thị T3 (bằng giấy viết tay, có xác nhận của UBND phường T). Năm 2003 bà Đỗ Thị T3 uỷ quyền toàn bộ căn nhà ván 42m^2 và 100m^2 đất cho con trai Nguyễn Quý M2 bằng giấy viết tay. Hiện nay ông Nguyễn Quý M2 đã chết, còn vợ là bà Nguyễn Thị M và các con sử dụng căn nhà và đất từ đó đến nay (thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Năm 2015 bà Đỗ Thị T3 chết, không để lại di chúc, phân chia tài sản đối với thửa đất trên.

Theo phiếu ý kiến khu dân cư ngày 19/11/2019 và Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 20/11/2019 của UBND phường T, xác định thửa đất số 22, tờ bản đồ 31, diện tích 392m^2 tại phường T là của những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3 vì quá trình nhận chuyển nhượng của bà T3 có xác nhận của UBND phường T.

Ngày 09/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8426/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình hồ thuỷ lợi E, thành phố B (đợt 24), trong đó thửa đất số 22, tờ bản đồ số 31, diện tích 392m^2 của những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3 (trong đó có 142m^2 đất ở và 250m^2 đất trồng cây lâu năm). Vậy, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt cho những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3 là đúng theo quy định.

2. Về giao đất tái định cư:

Những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3 bị thu hồi 142m^2 đất ở. Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3 bị thu hồi đất ở, đủ điều kiện được tái định cư. Những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3 có cung cấp Văn bản thỏa

thuận được Văn phòng C1 chứng thực xác nhận ngày 19/11/2021 về việc cử ông Nguyễn Mạnh L1 là người đại diện cho các đồng thừa kế để liên hệ các cơ quan có chức năng thẩm quyền tiến hành công việc hoàn tất hồ sơ tái định cư. Nên ngày 20/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9123/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và ngày 28/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9269/QĐ-UBND về việc giao đất thửa đất số 308 (thửa cũ DO-LK03-09), tờ bản đồ số 1, phường T với diện tích là 118,85m^2 cho ông Nguyễn Mạnh L1 (đại diện cho những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3) là đúng quy định.

Từ những căn cứ trên, việc bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 9269/QĐ-UBND về việc giao đất cho ông Nguyễn Mạnh L1 (đại diện cho những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3) để điều chỉnh lại đối tượng giao đất tái định cư cho hộ bà Nguyên Thị M3 và đề nghị giao thêm 01 thửa đất tái định cư là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh L1 và ông Nguyễn Mạnh T1 trình bày:* Đề nghị Toà án chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T2 không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ.*

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2025/HC-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc UBND thành phố Buôn Ma T6 giao 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị M theo đúng quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc: Hủy một phần Quyết định số 9269/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND thành phố B về việc giao đất cho ông Nguyễn Mạnh L1 (đại diện cho những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3) và buộc UBND thành phố B điều chỉnh đối tượng giao đất tại Quyết định số 9269/QĐ-UBND sang hộ bà Nguyễn Thị M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

+ Ngày 05-6-2025 ông Hoàng Ngọc T đại diện cho bà Nguyễn Thị M kháng cáo một phần bản án, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

+ Ngày 10-6-2025 ông Lê Đại T5, đại diện cho UBND thành phố B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Nêu lý do kháng cáo là từ khi có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến ngày 21/10/2024 bà M có đơn khởi kiện là 1.024 ngày mà gia đình bà không có đơn đề nghị hỗ trợ tái định cư bằng hình thức giao 01 thửa đất có thu tiền sử dụng đất, xem như gia đình bà Nguyễn Thị M không có nhu càu hỗ trợ tái định cư.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Ông Hoàng Ngọc T đại diện cho bà Nguyễn Thị Minh G nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng huỷ một phần Quyết định 9269/QĐ-UBND ngày 28-12-2021 của UBND thành phố B, để điều chỉnh lại tên đối tượng giao đất tái định cư từ tên Nguyễn Mạnh L1 sang tên hộ gia đình Nguyễn Thị M.

Đại diện người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, xem như giữ nguyên đơn kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung thì bản án sơ thẩm đã quyết định có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác các đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện:

Tại Quyết định số 8426/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và

chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình hồ thuỷ lợi E, thành phố B (đợt 24), trong đó thửa đất số 22, tờ bản đồ số 31, diện tích 392m^2 của những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3 (trong đó có 142m^2 đất ở và 250m^2 đất trồng cây lâu năm).

Ngày 28/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9269/QĐ-UBND về việc giao đất thửa đất số 308 (thửa cũ DO-LK03-09), tờ bản đồ số 1, phường T với diện tích là 118,85m^2 cho ông Nguyễn Mạnh L1 (đại diện cho những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3).

Cho rằng việc giao đất như trên là không đúng, bà M có đơn kiến nghị gửi UBND thành phố B. Đến ngày 17/10/2024, UBND thành phố B có Công văn số 5476/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của ông của bà Nguyễn Thị M thể hiện: việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3 và ban hành quyết định giao đất cho ông Nguyễn Mạnh L1 (đại diện những người thừa kế của bà T3) là đảm bảo theo quy định pháp luật; trên cơ đó bà M khởi kiện.

[2] Xem xét về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng thửa đất thu hồi:

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất bị thu hồi do ông Nguyễn Văn M1 khai hoang, chuyển nhượng lại ông Nguyễn Văn H, ông H xây nhà năm 1987, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Đặng Ngọc C. Năm 1996 ông Đặng Ngọc C chuyển nhượng tiếp cho ông Đoàn Ngọc H1. Năm 1999 ông Đoàn Ngọc H1 chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị T3. Ngày 22/9/2003 bà Đỗ Thị T3 làm giấy ủy quyền viết tay cho con trai bà Nguyễn Quý M2 (đã chết) vợ là bà Nguyễn Thị M sử dụng và quá trình sử dụng đất không có tranh chấp.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M:

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị M đề nghị hủy một phần Quyết định số 9269/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B để điều chỉnh lại tên đối tượng giao đất tái định cư từ tên Nguyễn Mạnh L1 sang tên hộ gia đình Nguyễn Thị M. Theo khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3 bị thu hồi đất ở, đủ điều kiện được tái định cư. Những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3 có cung cấp Văn bản thỏa thuận được Văn phòng C1 chứng thực xác nhận ngày 19/11/2021 về việc cử ông Nguyễn Mạnh L1 là người đại diện cho các đồng thừa kế để liên hệ các cơ quan có chức năng thẩm quyền tiến hành công việc hoàn tất hồ sơ tái định cư. Ngày 28/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9269/QĐ-UBND về việc giao đất thửa đất số 308 (thửa cũ DO-LK03-09), tờ bản đồ số 1, phường T với diện tích là 118,85m^2 cho ông Nguyễn Mạnh L1 (đại diện cho những người thừa kế của bà Đỗ Thị T3) là đúng quy định. Như vậy, ông Nguyễn Mạnh L1 là người đại diện đứng tên nhận đất tái

định cư, thửa đất vẫn thuộc tài sản chung của những người thừa kế của cụ Đỗ Thị T3.

[4] Xét kháng cáo của người bị kiện:

Người bị kiện kháng cáo phần quyết định của Bản án sơ thẩm buộc giao 01 thửa đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho gia đình bà Nguyễn Thị M.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/12/2019 của Công an phường T, Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 20/11/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố (BL 53) thì thời điểm UBND thành phố B thu hồi đất, gia đình bà M gồm bà M, 03 con trai và 02 con dâu đang sinh sống, sử dụng chung căn nhà và diện tích đất tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 31. Hộ bà M khi thu hồi đất thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn thành phố B.

Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định trường hợp trong hộ gia đình có chung thửa đất bị thu hồi có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất, có đủ điều kiện tách thành từng hộ riêng thì căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình.

Tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ cũng quy định nội dung tương tự, thì: *"...xem xét **giao thêm một thửa đất** có thu tiền sử dụng đất"*.

Đối chiếu các quy định nêu trên thì hộ bà M đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư bằng hình thức giao thêm 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất, tạo điều kiện cho người dân khắc phục được khó khăn về chỗ ở khi bị thu hồi đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M về việc buộc UBND thành phố B giao 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị M là hợp lý và đúng quy định của pháp luật.

[5] Bản án sơ thẩm nhận định dẫn chiếu quy định chưa phù hợp, nhưng đã quyết định là hợp lý và có cơ sở, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận các kháng cáo của những người kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị M và người bị kiện UBND thành phố B; giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2025/HC-ST ngày 26-5-2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000183 ngày 16-6-2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao- Vụ III;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long